TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2019
V/v ly hôn giữa anh H và chị Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1986 "vắng mặt"

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992 " vắng mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vũ Đình H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị Q về gia đình anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về

đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Q.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Vũ Nhật Duy, sinh năm 2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện đang ở với chị Q. Ly hôn chị Q đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng anh nhất trí.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung như anh H trình bày là đúng. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị anh H xử cho anh Vũ Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật Duy, sinh năm 2013. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình H và chị Nguyễn Thị Q đăng ký

kết hôn năm 2012 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh H và chị Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh H và chị Q đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn chị Q cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh H được ly hôn chị Q.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh H và chị Q có 01 con chung là Vũ Nhật Duy, sinh năm 2013. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh chị Q. Chị Q có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và đủ điều kiện để nuôi con. Anh H cũng nhất trí để chị Q nuôi con nên để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Duy cần tiếp tục giao cho chị Q trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị Q không đề nghị anh H cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Đình H và chị Nguyễn Thị Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật Duy, sinh năm 2013. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003648 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hà Bắc và bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 586/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1986.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Đình H và chị Nguyễn Thị Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật Duy, sinh năm 2013. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003648 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hà Bắc **Nguyễn Thị Hoan** **Tạ Thị Thu Thủy**